

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/DS-ST

Ngày: 29/9/2017.

V/v tranh chấp về trường hợp
bị đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Uyên.

2. Ông Lưu Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Vũ Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLST-LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về vụ việc tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐXX ST – DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST – DS ngày 13 ngày 9 tháng 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C. Chức vụ: tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị N. Chức vụ: Giám đốc nhân sự.

Địa chỉ: lô D1, D2, D3, KCN P, thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ cư trú: số 34, tổ 6, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt, bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty A do bà Bùi Thị N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước khi bà Trịnh Thị L vào Công ty A làm việc thì có thời gian Công ty A đào tạo dạy nghề 02 tháng. Trong thời gian đào tạo nghề này Công ty A trả lương cho bà L 2.900.000đồng/tháng, trả 02 tháng là 5.800.000đồng. Theo biên bản cam kết ngày 02/01/2017 giữa Công ty A và bà L ký kết.

Sau khi học nghề xong, ngày 03/3/2017 giữa Công ty A và bà L đã ký kết hợp đồng lao động. Hợp đồng xác định thời hạn 24 tháng từ ngày 03/3/2017 đến ngày 03/3/2019. Bà L làm việc từ ngày 10/3/2017 và nhận lương ngày 10/3/2017, đến ngày 11/3/2017 bà L tự ý bỏ việc không có lý do.

Công ty A đã mời bà L 03 lần đến Công ty A để giải quyết các vấn đề liên quan nhưng bà L không đến.

Nay Công ty A yêu cầu bà L bồi thường cho Công ty A số tiền sau:

-Vi phạm quy định về thời hạn báo trước 3.103.000đồng x 30ngày/26 ngày = 3.580.385đồng.

-Bồi thường hợp đồng $\frac{1}{2}$ tháng lương căn bản 3.103.000đồng/2 = 1.551.500đồng.

-Bồi thường theo cam kết hướng dẫn công việc số tiền 2.900.000đồng.

-Bồi thường kim gãy số tiền 69.600đồng.

-Truy thu ngày phép ứng trước số tiền 565.404đồng.

Tổng số tiền là 8.666.889đồng, trừ đi tiền lương Công ty trả bà L 295.098đồng. Sau khi căn trừ Công ty A yêu cầu bà L bồi thường cho Công ty A số tiền 8.371.791đồng.

*Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Trịnh Thị L, tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho bà Trịnh Thị L, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà Trịnh Thị L, tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà Trịnh Thị L nhưng bà Trịnh Thị L không có ý kiến gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 43, 62 của Bộ luật lao động, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc bà L trả cho Công ty A 4.994.406đồng, không chấp nhận số tiền 3.377.385đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án: “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” giữa nguyên đơn Công ty A và bị đơn bà L. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trịnh Thị L vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn L.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty A yêu cầu bà Trịnh Thị L trả cho Công ty A số tiền 8.371.791đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Đối với số tiền vi phạm quy định về thời hạn báo trước Công ty A yêu cầu bà L bồi thường 3.580.385đồng ($3.103.000\text{đồng} \times 30\text{ngày}/26\text{ ngày} = 3.580.385\text{đồng}$) chỉ có cơ sở chấp nhận 3.103.000đồng/tháng lương theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Bộ luật lao động. Công ty A tính lương cho bà L 3.103.000đồng/26 ngày là không phù hợp vì theo hợp đồng lao động tiền lương Công ty A trả bà L 3.103.000đồng/tháng nên không chấp nhận số tiền 477.385đồng.

Khoản tiền Công ty A yêu cầu bà L bồi thường hợp đồng $\frac{1}{2}$ tháng lương căn bản $3.103.000\text{đồng}/2 = 1.551.500\text{đồng}$ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Bộ luật lao động nên cần chấp nhận.

Về khoản tiền Công ty A yêu cầu bà L bồi thường theo cam kết hướng dẫn công việc số tiền 2.900.000đồng là không có căn cứ chấp nhận, Bởi lẽ, Công ty A không có giấy phép dạy nghề của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vi phạm quy định tại Điều 62 của Bộ luật lao động.

Xét về số tiền Công ty A yêu cầu bà L trả 69.600đồng vì làm kim gãy và số tiền bà L ứng ngày phép số tiền 565.404đồng. Do đó, cần buộc bà L trả cho Công ty A số tiền 635.004đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Ngoài ra, còn số tiền lương Công ty A phải trả bà L là 295.098đồng, cần trừ cho bà L nên bà L còn phải trả Công ty A số tiền 339.906đồng.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà L, tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho bà L, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà L, tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà L nhưng bà L không có ý kiến gì.

Từ những phân tích và nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A, cần buộc bà L trả cho Công ty A 4.994.406đồng, không chấp nhận số tiền 3.377.385đồng.

Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc Công ty A phải chịu 300.000đồng án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ các Điều 43, 62 của Bộ luật lao động.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 74, 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc bà Trịnh Thị L có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền 4.994.406đồng.

Không chấp nhận số tiền 3.377.385đồng Công ty A yêu cầu bà Trịnh Thị L bồi thường.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc Công ty A phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí Công ty A do bà Bùi Thị N đại diện đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0006578 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, Công ty A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Bùi Thị N đại diện theo ủy quyền của Công ty A có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bà Trịnh Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Vũ